

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quốc Dũng	Chủ tịch
Ông Ngô Bùi Ngọc	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25/01/2015)
Ông Lê Minh Sơn	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/4/2014)
Ông Phan Đình Phong	Ủy viên
Ông Vũ Thành Kiên	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20/01/2015)
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20/01/2015)
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phí Mạnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hán Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Đình Phong

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Số: 50/2015/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con được lập ngày 18/3/2015 từ trang 04 đến trang số 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và những ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán 0308-2013-148-1

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán 1687-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		978.807.136.203	981.489.340.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	44.286.096.843	29.555.966.947
1. Tiền	111		24.466.096.843	17.992.097.975
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.820.000.000	11.563.868.972
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.328.595.230	29.775.423.315
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.984.381.630	30.621.599.315
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(655.786.400)	(846.176.000)
III. Các khoản phải thu	130		461.338.604.725	424.680.748.162
1. Phải thu của khách hàng	131		228.481.245.006	190.454.178.104
2. Trả trước cho người bán	132		185.405.495.955	192.973.686.774
4. Các khoản phải thu khác	135		49.279.526.228	42.336.783.748
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.827.662.464)	(1.083.900.464)
IV. Hàng tồn kho	140	5	442.710.958.822	470.632.957.114
1. Hàng tồn kho	141		442.760.800.728	470.682.799.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.841.906)	(49.841.906)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.142.880.583	26.844.244.809
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		196.078.289	272.383.093
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	8.785.328.934
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	18.946.802.294	17.786.532.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		394.265.690.562	388.980.724.548
II. Tài sản cố định	220		62.367.532.448	73.091.700.349
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	47.726.712.381	58.220.574.884
- Nguyên giá	222		98.073.234.967	101.931.011.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.346.522.586)	(43.710.436.324)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	14.640.820.067	14.871.125.465
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		241.773.545.359	222.073.545.359
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.060.180.000	8.360.180.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	9	234.713.365.359	213.713.365.359
V. Tài sản dài hạn khác	260		90.124.612.755	93.815.478.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	88.404.328.703	93.603.892.228
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.627.595.052	118.897.612
3. Tài sản dài hạn khác	268		92.689.000	92.689.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.373.072.826.765	1.370.470.064.895

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		01/01/2014	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.165.578.037.135		1.167.664.232.950	
I. Nợ ngắn hạn	310		928.428.646.146		887.218.861.743	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	316.032.617.146		239.706.286.785	
2. Phải trả cho người bán	312		200.274.203.002		182.072.666.359	
3. Người mua trả tiền trước	313		143.550.561.399		216.849.281.808	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	37.197.715.968		28.111.853.794	
5. Phải trả người lao động	315		6.020.524.014		10.521.597.144	
6. Chi phí phải trả	316		6.385.353.293		13.080.111.594	
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	218.227.682.519		196.120.454.691	
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		739.988.805		756.609.568	
II. Nợ dài hạn	330		237.149.390.989		280.445.371.207	
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	5.707.968.424		117.770.075.262	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	231.441.422.565		162.675.295.945	
B. NGUỒN VỐN	400		188.739.923.096		183.443.193.683	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	188.739.923.096		183.443.193.683	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.073.077.120		15.069.800.000	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.335.127.150		4.258.437.707	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		342.900.695		305.339.694	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.123.204.630		1.124.000.479	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(132.134.386.499)		(137.314.384.197)	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		18.754.866.534		19.362.638.262	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.373.072.826.765		1.370.470.064.895	

Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
 Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

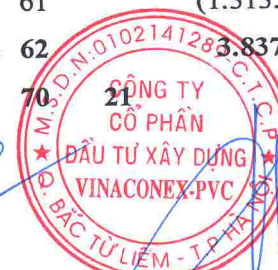
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	366.549.389.184	208.674.012.471
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		366.549.389.184	208.674.012.471
4. Giá vốn hàng bán	11		317.123.423.462	243.558.643.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		49.425.965.722	(34.884.630.900)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7.748.202.987	6.745.681.297
7. Chi phí tài chính	22	20	18.535.536.727	38.523.285.848
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.537.663.754	38.258.855.848
8. Chi phí bán hàng	24		3.771.678.885	2.435.374.626
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	25.305.403.727	26.558.989.984
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9.561.549.370	(95.656.600.061)
11. Thu nhập khác	31		5.004.271.378	3.154.601.083
12. Chi phí khác	32		7.510.199.370	6.529.682.348
13. Lợi nhuận khác	40		(2.505.927.992)	(3.375.081.265)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.055.621.378	(99.031.681.326)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.480.813.953	1.313.034.945
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.949.658.469)	(123.996.003)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		2.524.465.894	(100.220.720.268)
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		(1.313.182.731)	(2.478.350.591)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		3.837.648.625	(97.742.369.677)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	128	(3.258)



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
 Kế toán trưởng





Phan Đình Phong
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B-03-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.055.621.378	(99.031.681.326)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.724.840.384	10.310.957.091
- Các khoản dự phòng	03	(190.389.600)	244.116.434
- Lãi/ (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	12.214.291.219	9.355.236.811
- Chi phí lãi vay	06	15.537.663.754	38.258.855.848
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	43.342.027.135	(40.862.515.142)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.150.682.870)	18.636.660.184
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	27.921.998.292	51.880.774.226
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không gồm lãi vay, thuế TNDN)	11	2.810.625.904	11.065.570.506
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.275.868.329	11.506.528.411
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.986.044.618)	(6.222.636.104)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(570.379.917)	(2.861.186.431)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.964.808.390	265.184.546
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.978.152.033)	(388.773.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.630.068.612	43.019.607.169
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.466.760.715)	757.988.026
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	462.363.636
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.300.000.000)	(112.152.096.257)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	350.000.000	95.704.478.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.748.202.987	6.213.485.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.668.557.728)	(9.013.781.570)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	52.984.710.413	44.277.649.609
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72.216.091.401)	(54.167.092.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.231.380.988)	(9.889.442.577)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.730.129.896	24.116.383.022
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	29.555.966.947	5.439.583.925
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	44.286.096.843	29.555.966.947



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
 Kế toán trưởng





Phan Đình Phong
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC (“Công ty”) là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015409 ngày 15/1/2007. Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất ngày 08/12/2014. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 300 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty có các Công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV;
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành;
- Công ty Cổ phần khai thác đá Thừa Thiên Huế.

Ngày 20/08/2014 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC đã đồng ý bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Kiến trúc Vina-Petro theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 58/HĐCN.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 - Tòa nhà CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư vật liệu ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Áp dụng chính sách kế toán mới

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 trở đi thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và các hướng dẫn kế toán khác có liên quan. Thông tư 202 áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015 thay thế một phần của Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Giám đốc Công ty sẽ xem xét và đánh giá ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán để điều chỉnh việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu công nợ, tài sản và việc trình bày những khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo tài chính phải được báo cáo và khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Thuyết minh về Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính từ năm 2011. Ban Giám đốc đã trình bày Thuyết minh về Công cụ tài chính tại Thuyết minh số 22 kèm theo. Ban Giám đốc tin

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

tưởng rằng việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày số liệu đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hiện tại.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các Quyết định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại. Giá gốc được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng, chi phí phân phối sản phẩm đã phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến quá trình đưa tài sản vào vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự sản xuất hoặc tự xây dựng là chi phí sản xuất, xây dựng cộng với chi phí cho việc lắp đặt và chi phí chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên ước tính thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng trả trước; giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ 1 năm trở lên; chi phí trả trước để được chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex theo hợp đồng Li-xăng ký giữa hai bên.

Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng tại Tầng 12 - Tòa nhà Vinaconex 9 - Lô HH2 - Mễ Trì Hạ - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh tương ứng với thời hạn thuê 46 năm.

18-C
TY
HỮU H
DÁN
IÚ
- TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí trả trước để nhận chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ phù hợp với thời gian chuyển giao theo hợp đồng là 20 năm.

Chi phí trả trước của Công trình Tạp chí Cộng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian phân bổ doanh thu khai thác công trình trong thời gian 20 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận dựa trên tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận sau khi bất động sản đã được xây dựng hoàn tất, phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng (được trình bày chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo lãi của ngân hàng. Lãi từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi các chi phí này phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% lợi nhuận thu được.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định số thuế phải nộp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.184.663.075	825.422.432
Tiền gửi ngân hàng	22.281.433.768	17.166.675.543
Các khoản tương đương tiền	19.820.000.000	11.563.868.972
Cộng	<u>44.286.096.843</u>	<u>29.555.966.947</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.814.499.848	659.436.631
Công cụ, dụng cụ	468.273.990	489.266.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	439.199.672.687	467.846.347.912
Thành phẩm	1.278.094.203	1.687.487.581
Hàng hóa	260.000	260.000
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	<u>442.760.800.728</u>	<u>470.682.799.020</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.841.906)	(49.841.906)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>442.710.958.822</u>	<u>470.632.957.114</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm 13.000.000.000 VND là số dư khoản đặt cọc của Công ty mẹ tại ngân hàng TMCP Đại Dương để mua cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Tại 01/01/2014	2.921.656.142	91.786.876.532	6.080.037.327	693.193.436	449.247.771	101.931.011.208						
Tăng do mua sắm	-	2.697.066.113	-	-	-	2.697.066.113						
Thanh lý	-	(5.825.825.371)	(468.000.000)	-	-	(6.293.825.371)						
Giảm khác	-	(135.816.853)	-	-	(125.200.130)	(261.016.983)						
Tại 31/12/2014	2.921.656.142	88.522.300.421	5.612.037.327	693.193.436	324.047.641	98.073.234.967						
KHẤU HAO LŨY KẾ												
Tại 01/01/2014	2.303.802.701	38.455.089.495	1.912.121.533	657.507.992	381.914.603	43.710.436.324						
Khấu hao trong kỳ	76.572.996	8.147.773.636	598.853.296	23.178.732	36.962.472	8.883.341.132						
Thanh lý nhượng bán	-	(1.965.254.122)	(123.500.000)	-	-	(2.088.754.122)						
Giảm khác	-	(33.300.618)	-	-	(125.200.130)	(158.500.748)						
Tại 31/12/2014	2.380.375.697	44.604.308.391	2.387.474.829	680.686.724	293.676.945	50.346.522.586						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại 01/01/2014	617.853.441	53.331.787.037	4.167.915.794	35.685.444	67.333.168	58.220.574.884						
Tại 31/12/2014	541.280.445	43.917.992.030	3.224.562.498	12.506.712	30.370.696	47.726.712.381						

Một số máy móc, thiết bị của Công ty với Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 66,90 tỷ đồng đang được thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng trong nước..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2014 bao gồm 12.028.218.927 VND là tiền Công ty Cổ phần xây dựng dân dụng công nghiệp PVV (“PVV IC”) - Công ty con đã chi để đầu tư mua lại nhà xưởng, thiết bị của Công ty Cổ phần cơ khí nông nghiệp Yên Mô - Ninh Bình theo phê duyệt kế hoạch đầu tư nhà máy sản xuất gỗ ván ép của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PVV IC với tổng mức đầu tư là 17.620 triệu đồng, trong đó vốn tự có là 30%, vốn vay là 70%. Công ty đã ký hợp đồng vay vốn dài hạn 48 tháng từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để tài trợ cho Dự án với số tiền 12.400 triệu đồng.

Đến thời điểm 31/12/2014 PVV IC chưa thực hiện hết các nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán nhà xưởng do đó chưa được chuyển giao quyền sở hữu tài sản, hiện Công ty Cổ phần cơ khí nông nghiệp Yên Mô - Ninh Bình đã bàn giao về mặt hiện vật các tài sản cho PVV IC tiến hành sản xuất thử.

9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thành phố Xanh (i)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO (ii)	101.926.729.102	101.926.729.102
Công ty CP đầu tư và khoáng sản Bắc Trung Bộ (iii)	91.627.276.257	91.627.276.257
Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 (iv)	21.000.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	159.360.000	159.360.000
Cộng	234.713.365.359	213.713.365.359

- (i) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Thành phố Xanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án khu nhà ở chung cư tại Phường Phú Hữu, Quận 9 - Thành Phố Hồ Chí Minh - Sunflower City. Theo đó, Công ty sẽ nắm giữ 51% quyền sở hữu trong dự án sau khi góp đủ vốn theo tiến độ Hợp đồng (tương đương khoản 5.992.500 Đô-la Mỹ). Dự án đang trong giai đoạn xin cấp Giấy phép Đầu tư.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO để đầu tư Dự án “ Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu Đô thị Nam An Khánh - Hà Nội” thuộc lô HH3 của Dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, Huyện Hoài Đức - Hà Nội. Theo đó phần vốn góp của Công ty tương ứng 20% giá trị vốn góp của Dự án. Mặc dù Dự án được triển khai chậm hơn so với tiến độ qui định trong hợp đồng do nguyên nhân khách quan, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị và vì vậy không phải trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.
- (iii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Bắc Trung Bộ theo hợp đồng UT số 3010/2013/UTQLV/FIT ngày 30/10/2013 và biên bản thoả thuận 3 bên số 01-1111/TT/FIT-KSBTB ngày 11/11/2013 giữa Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vinacorex - PVC và Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Bắc Trung Bộ.
- (iv) Khoản đầu tư cổ phiếu vào Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 theo Hợp đồng mua bán cổ phần, số cổ phần là 2.100.000 cổ phần, trong tháng 5/2014 Công ty đã chuyển đủ 21 tỷ đồng theo hợp đồng mua bán trên .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	9.407.219.914	9.632.634.994
Chi phí mua công cụ, dụng cụ	3.939.774.733	7.321.017.161
Thương hiệu nhượng quyền Vinaconex	4.265.342.467	4.565.342.467
Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản	64.298.859.262	67.995.641.242
Chi phí dài hạn khác	6.493.132.327	4.089.256.364
Cộng	88.404.328.703	93.603.892.228

Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Tạp chí Cộng sản, theo đó hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh dưới hình thức Công ty thực hiện xây dựng tòa nhà tại vị trí Văn phòng Tạp chí Cộng sản phía Nam và được phép kinh doanh trong vòng 20 năm (sau khi bàn giao một tầng hầm và một lầu cho Tạp chí Cộng sản). Theo đó, sau khi công trình xây dựng hoàn thành, Công ty đã cho đối tác khác thuê lại với thời gian 20 năm và ghi nhận chi phí xây dựng tòa nhà là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 20 năm tương ứng với thời gian phân bổ doanh thu đã nhận trước và bắt đầu phân bổ từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 (xem thuyết minh số 15).

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	191.609.865.788	227.710.267.265
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (i)	58.257.179.010	60.367.410.260
Ngân hàng TMCP Quốc tế (ii)	78.862.737.819	88.863.490.674
Công ty cổ phần Đầu tư Thế kỷ (iii)	8.650.000.000	20.506.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (iv)	3.509.286.235	20.181.127.817
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	614.500.000	1.240.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.175.272.000	7.005.272.000
Ngân hàng TM CP Tiên Phong	4.067.613.320	-
Vay cá nhân	28.877.737.404	25.951.426.514
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Long Trung Sơn	1.595.540.000	1.595.540.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	124.422.751.358	11.996.019.520
Cộng	316.032.617.146	239.706.286.785

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được chuyển đổi từ khoản vay của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trước đây bao gồm các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 18/TDHM-BL-NH/TD10 ngày 10 tháng 03 năm 2011. Khoản tín dụng này với hạn mức là 280.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.
- Hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22 tháng 03 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Hai hợp đồng tín dụng này đều đã được gia hạn thời gian trả nợ cuối cùng đến ngày 03/11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 2782/HDDTD2-VIB08/11 ngày 15 tháng 8 năm 2011 và các phụ lục kèm theo với hạn mức là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng. Lãi suất vay do Ngân hàng quy định tại thời điểm giải ngân và được quy định trong Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2782.02/2013/BĐ ngày 08/3/2013. Theo biên bản định giá ngày 5/3/2013 tổng giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo là 42.000.000.000 đồng. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Công ty đang làm việc với Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế để gia hạn thời hạn trả nợ vay.
- (iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Thế kỷ theo Hợp đồng vay vốn ngày 02/8/2010 với số tiền là 48.600.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất không đổi là 9%/năm trong suốt quá trình vay. Thời hạn vay có thể được điều chỉnh nếu Công ty gửi thông báo gia hạn nhưng không kéo dài quá 9 tháng tính từ ngày kết thúc thời hạn. Trong năm 2014, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 03 ngày 26/9/2014 của Hợp đồng vay vốn trên, theo đó kể từ ngày 03/07/2013 trở đi Công ty không phải trả tiền lãi vay cho Công ty Cổ phần đầu tư Thế Kỷ (nay là Công ty cổ phần Tập đoàn Thế kỷ).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 128.12.002.364407.TD.DN; số 19.12.002.364407.TD.DN và số 226.12.002.364407 nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán nhưng theo thông báo số 1625/TB-MB-BAD ngày 31/12/2014 nếu Công ty tắt toán toàn bộ gốc, lãi và lãi phạt quá hạn trước 30/06/2015 thì được miễn giảm lãi và lãi phạt quá hạn về mức 8,5%/năm.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.712.065.981	19.110.274.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.603.871.573	4.690.037.454
Thuế thu nhập cá nhân	2.153.338.097	2.526.563.842
Thuế tài nguyên	1.014.312.444	850.077.554
Các khoản thuế khác, phí, lệ phí	2.714.127.873	934.900.426
Cộng	<u>37.197.715.968</u>	<u>28.111.853.794</u>

13. Các khoản phải trả khác, phải nộp khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.334.813.786	1.635.522.209
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BH thất nghiệp	5.280.997.809	6.372.066.894
Lãi vay phải trả	112.493.367.976	92.538.601.969
Cổ tức	4.842.151.000	6.342.421.863
Ngân hàng TM CP Đại Dương (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	14.276.351.948	9.231.841.756
Cộng	<u>218.227.682.519</u>	<u>196.120.454.691</u>

(*) Khoản tạm ứng vốn từ Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Ngân hàng, kỳ hạn là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2010 với mục đích tài trợ cho Dự án xây dựng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (i)	117.785.756.927	117.785.756.927
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	768.491.667	453.366.667
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ii)	11.576.471.188	11.526.971.188
Cộng	<u>130.130.719.782</u>	<u>129.766.094.782</u>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(124.422.751.358)</i>	<i>(11.996.019.520)</i>
Nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	<u>5.707.968.424</u>	<u>117.770.075.262</u>

- (i) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được chuyển đổi từ khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trước đây theo các Hợp đồng tín dụng số 49/TDĐT-BL-TH/TD10 và 03/TDĐT-TH/TD10. Mục đích sử dụng vốn vay là thực hiện dự án đầu tư nâng cao năng lực máy công trình. Khoản tín dụng được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa lần lượt là 43.000.000.000 đồng và 23.800.280.000 đồng, thời hạn thanh toán tối đa lần lượt là 48 tháng và 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 49/TDĐT-BL-TH/TD10 có lãi suất thay đổi được thông báo tại thời điểm giải ngân. Lãi suất của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/TDĐT-TH/TD10 được xác định bằng lãi suất tham chiếu (+3,5%/năm) được giới hạn bởi lãi suất cho vay tối thiểu và tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi và gốc được thanh toán 3 tháng/lần. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số 8).

Hai khoản vay này đều được gia hạn thời gian trả nợ theo các phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 22/10/2013; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 03/11/2015.

Hợp đồng tín dụng số 18/TDHM-BL-NH/TD10 ngày 10 tháng 03 năm 2011 và hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22 tháng 03 năm 2012 đã được gia hạn thời gian trả nợ đến năm 2015. Giá trị khoản vay dài hạn của hai hợp đồng này sau khi được gia hạn thời gian trả nợ lần lượt là: 50.289.843.514 đồng và 43.544.434.512 đồng.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng vay số 1410-LAV 201200241/HĐTD ngày 26/6/2012 với gốc vay là 12.400.000.000 đồng, mục đích là tài trợ khoản đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Nhà máy chế biến gỗ ván ép tại Huyện Yên Mô, Ninh Bình. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất tiền vay là 18%/ năm và sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Vốn giải ngân đến ngày 31/12/2012 là 7.000.000.000 đồng, gốc vay sẽ được hoàn trả mỗi quý với số tiền 775.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền nhận theo tiến độ của các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (1)	138.287.297.151	66.671.381.271
Tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà Tạp chí Cộng sản (2)	82.608.185.997	87.515.602.985
Tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vinaconex 9 (3)	8.290.909.093	8.488.311.689
Công trình N03 khu Ngoại giao đoàn (4)	2.255.030.324	-
Cộng	<u>231.441.422.565</u>	<u>162.675.295.945</u>

- (1) Số tiền nhận được theo tiến độ của các hợp đồng mua bán căn hộ tại chung cư CT2A và CT2B - khu đô thị mới Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội.
- (2) Số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại Tòa nhà Cơ quan thường trực Công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng số 03/PVFC-PVC VINACONEX ngày 10 tháng 12 năm 2010. Theo đó, doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian cho thuê văn phòng của công trình là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (xem Thuyết minh số 10).
- (3) Số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại tầng 12 tòa nhà Vinaconex 9, theo hợp đồng số 03/2013 ngày 18/3/2013. Doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian thuê còn lại của Công ty là 43 năm kể từ ngày 18/3/2013.
- (4) Số tiền khách hàng ứng trước, Công ty đã phát hành hóa đơn GTGT đồng thời thực hiện kết chuyển vào doanh thu theo từng lần nghiệm thu thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

Toà nhà CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế
Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

16. Vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng		
Tại 01/01/2013	300.000.000.000	15.069.800.000	1.304.890.508	3.983.348.054	219.501.631	(40.788.826.115)	279.788.714.078		
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(100.220.720.268)	(100.220.720.268)		
Tăng khác	-	-	77.524.298	217.885.929	51.515.829	5.432.174.399	5.779.100.455		
Trích lập các quỹ	-	-	-	57.203.724	34.322.234	(904.074.477)	(812.548.519)		
Giảm khác	-	-	(258.414.327)	-	-	(832.937.736)	(1.091.352.063)		
Tại 31/12/2013	300.000.000.000	15.069.800.000	1.124.000.479	4.258.437.707	305.339.694	(137.314.384.197)	183.443.193.683		
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	129.077.541	86.051.696	2.524.465.894	2.739.595.131		
Tăng khác	-	3.277.120	-	-	-	4.189.790.277	4.193.067.397		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.534.258.473)	(1.534.258.473)		
Giảm khác	-	-	(795.849)	(52.388.098)	(48.490.695)	-	(101.674.642)		
Tại 31/12/2014	300.000.000.000	15.073.077.120	1.123.204.630	4.335.127.150	342.900.695	(132.134.386.499)	188.739.923.096		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	59.115.196.190	60.777.987.514
Doanh thu kinh doanh bất động sản	221.030.775.786	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	86.403.417.208	147.896.024.957
Cộng	<u>366.549.389.184</u>	<u>208.674.012.471</u>
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	<u>366.549.389.184</u>	<u>208.674.012.471</u>

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.918.019.266	11.837.887.600
Chi phí vật liệu quản lý	1.667.034.318	819.373.937
Chi phí đồ dùng văn phòng	145.773.482	459.703.260
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.480.843.868	3.970.655.053
Chi phí dự phòng	683.762.000	244.116.434
Thuế, phí, lệ phí	161.804.720	379.749.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.902.769.987	3.112.562.888
Chi phí bằng tiền khác	5.345.396.086	5.734.940.997
Cộng	<u>25.305.403.727</u>	<u>26.558.989.984</u>

19. Doanh thu tài chính

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi (có kỳ hạn và không kỳ hạn)	7.748.202.987	6.213.485.025
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	211.800.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	320.396.272
Cộng	<u>7.748.202.987</u>	<u>6.745.681.297</u>

20. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.537.663.754	38.258.855.848
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(190.389.600)	264.430.000
Chi phí tài chính khác	3.188.262.573	-
Cộng	<u>18.535.536.727</u>	<u>38.523.285.848</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.837.648.625	(97.742.369.677)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	128	(3.258)

22. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.286.096.843	29.555.966.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	275.933.108.770	231.707.061.388
Các khoản đầu tư	154.414.684.332	151.861.512.417
Tài sản tài chính khác	13.000.250.400	13.000.250.400
Cộng	487.634.140.345	426.124.791.152
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	321.740.585.570	357.476.362.047
Phải trả người bán và phải trả khác	411.886.073.926	370.185.531.947
Chi phí phải trả	6.385.353.293	13.080.111.594
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	740.012.012.789	740.742.005.588

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất liên quan đến dòng tiền là rủi ro khi dòng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay hưởng lãi suất, các khoản đi vay chịu lãi suất đã được ký kết do các Hợp đồng vay vốn được quy định theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng chiến lược phân tích và dự báo thị trường, lựa chọn thời điểm và ngân hàng phù hợp, duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường). Hiện tại, Công ty chịu rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào nhóm cổ phiếu sẵn sàng để bán. Để quản lý được rủi ro này, Công ty áp dụng các biện pháp như: Tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức có thể chấp nhận được, đồng thời Công ty xác định các khoản đầu tư vào công cụ vốn khác sẽ được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong ngắn hạn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

18-C
TY
HỮU
OẠI
HỮ
3-TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	200.274.203.002	-	200.274.203.002
Phải trả khác	211.611.870.924	-	211.611.870.924
Các khoản vay	316.032.617.146	5.707.968.424	321.740.585.570
Chi phí phải trả	6.385.353.293	-	6.385.353.293
Cộng	734.304.044.365	5.707.968.424	740.012.012.789

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	182.072.666.359	-	182.072.666.359
Phải trả khác	188.112.865.588	0	188.112.865.588
Các khoản vay	239.706.286.785	117.770.075.262	357.476.362.047
Chi phí phải trả	13.080.111.594	-	13.080.111.594
Cộng	622.971.930.326	117.770.075.262	740.742.005.588

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	44.286.096.843	-	44.286.096.843
Phải thu khách hàng và phải thu khác	275.933.108.770	-	275.933.108.770
Các khoản đầu tư	11.328.595.230	143.086.089.102	154.414.684.332
Tài sản khác	13.000.250.400	-	13.000.250.400
Cộng	344.548.051.243	143.086.089.102	487.634.140.345

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	29.555.966.947	-	29.555.966.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.707.061.388	-	231.707.061.388
Các khoản đầu tư	29.775.423.315	122.086.089.102	151.861.512.417
Tài sản khác	13.000.250.400	-	13.000.250.400
Cộng	304.038.702.050	122.086.089.102	426.124.791.152

Đo lường theo giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty có thể khác biệt với giá trị hợp lý (theo giá thị trường).

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

23. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong năm tài chính, Công ty có giao dịch và số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Bán hàng hóa - dịch vụ - xây lắp		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	10.435.506.675	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	29.556.051.894	6.833.315.418

Số dư với các bên liên quan


	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC)	5.831.876.761	5.868.941.527
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	15.553.565.725	7.670.739.814
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	108.329.079.200	117.168.651.493
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	2.882.352.291	3.157.956.909

24. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 26/01/2015, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam - Cổ đông sáng lập đã chào bán thành công toàn bộ số cổ phiếu sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC.

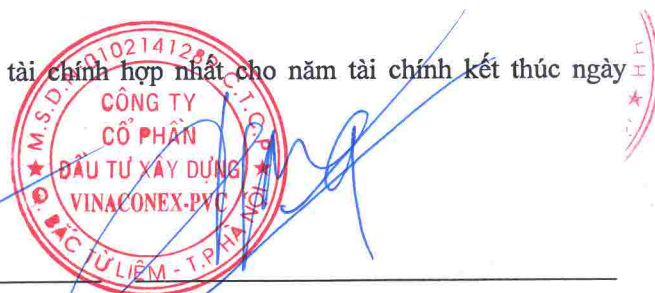
25. **Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.


Nguyễn Thị Hạnh
Người lập


Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng


Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACONEX-PVC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116 /VN- PVC/CBTT
V/v: Công bố thông tin và giải trình BCTC
hợp nhất năm 2014 sau kiểm toán

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC
 2. Mã chứng khoán: PVV
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà CT2A, KĐT mới Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
 4. Điện thoại: (04) 3 787 5938 Fax: (04) 3 787 5937
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh – Kế toán trưởng
 6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC được lập ngày 18/03/2015, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Sau khi kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế có sự chênh lệch tăng so với Báo cáo tài chính hợp nhất công ty tự lập là: **236.474.122** đồng. Chúng tôi xin được giải trình nguyên nhân của sự chênh lệch này là do các chỉ tiêu sau có sự thay đổi:
 - Chỉ tiêu lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm **1.733.820.972** đồng.
 - Chỉ tiêu Chi phí tài chính trong báo cáo kiểm toán giảm so với báo cáo tự lập **3.046.893.792** đồng.
 - Chỉ tiêu Chi phí bán hàng tăng **1.843.644.627** đồng
 - Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng **94.151.026** đồng.
 - Chỉ tiêu Chi phí khác giảm **808.577.169** đồng.
 - Chỉ tiêu Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm **193.787.389** đồng.
 - Chỉ tiêu Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng **141.167.603** đồng.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: pvv.com.vn
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



Nguyễn Thị Kim Hạnh